

Phân tích bài thơ Tràng Giang của thi sĩ Huy Cận

Author : Quản trị

Đề bài: Phân tích bài thơ Tràng Giang của thi sĩ Huy Cận

Bài làm

Được xuất xứ trong tập “Lửa Thiêng” in năm 1939 khi tác giả **Huy Cận** vẫn đang là sinh viên cutra một trường đại học ở Hà Nội, trong một dịp đi chơi ở bến Chèm xúc động trước cảnh trời đất bao la ông đã viết **bài thơ Tràng Giang**. Huy Cận sinh ra và lớn lên trong một nhà Nho nghèo ở Hà Tĩnh, văn chương của ông chia làm hai giai đoạn chính trước Cách mạng và sau Cách mạng. Thơ ông trước Cách mạng là nỗi sầu vọng cổ trước không gian và thời gian nhưng sau Cách mạng thơ ông nhạy cảm hơn, có những nét riêng biệt so với thời đại hòa nhập hơn với cuộc sống, cuộc đời.

Trước hết là nhan đề và lời đề từ của bài thơ, Nhan đề của bài thơ là **“Tràng Giang”** là một từ Hán Việt mà dịch nghĩa ra là sông dài, con sông dài, tác giả sử dụng điệp từ “ang” tạo cảm giác con sông dài vô cùng, vô tận. Bài thơ gồm cả phần lời đề từ: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” là câu thơ tóm nội dung của toàn bài, tác giả ngậm miêu tả không gian rộng của bầu trời và độ dài của con sông qua đó bộc lộ tâm trạng của chính mình.

Khổ thơ đầu tác giả viết về nỗi buồn đìu hiu, xa vắng qua việc nhắc tên các sự vật: “sóng, con thuyền, dòng nước, cành củi”.

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song.

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;

Củi một cành khô lạc mấy dòng.”

“Sóng” là một trong những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca được tác giả nhắc đến kết hợp với từ láy “điệp điệp” tạo cho người đọc cảm giác những con sóng cứ nối tiếp nhau hết lớp này đến lớp khác và cho đến tận chân trời tạo ra tâm trạng buồn miên man, khôn nguôi, da diết của tác giả. Con sóng ở đây là sóng buồn, là con sóng trong lòng chính tác giả chứ không chỉ riêng con sóng của dòng sông trước mặt. Hình ảnh “nước” và “con thuyền xuôi mái” là biểu tượng của con thuyền đang mất phương hướng mặc cho dòng nước đưa đẩy cũng là chính hoàn cảnh của tác giả lúc bấy giờ bất lực trước hiện thực đất nước. Cuối cùng là hình ảnh “cành củi” trong câu thơ cuối cũng là câu thơ tuyệt bút của tác giả, dường như ông đã gửi gắm vào đó tất cả cảm xúc để diễn tả sự cô độc đến tận cùng. Hình ảnh “củi một cành khô” thể hiện sự lạc loài của chính tác giả giữa trăm ngả sầu.

Khép lại khổ thơ thứ nhất với không gian vũ trụ cô liêu sang khổ thơ thứ hai này tác giả vẽ ra bức tranh về một **Tràng Giang** vô biên:

“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.”

Không gian được tác giả nhắc đến là “cồn nhỏ” với những ngọn gió nhỏ “đìu hiu”, âm thanh là tiếng chợ chiều vẽ nên một bức tranh buổi chiều tối khi nắng đã tắt, hoàng hôn sắp buông xuống, phiên chợ chiều cũng vãn người, mọi thứ như yếu dần, thưa dần và sắp bị màn đêm kéo đến, cảnh vật thì hiu hắt, con người cũng hối hả làm hết công việc của mình cho kịp trời tối. Hai câu thơ tiếp tác giả sử dụng bút pháp “họa văn hiển nguyệt” để diễn tả không gian tối đa vô cùng vô tận qua đó ngầm thể hiện cái tôi cô đơn, sầu tủi của chính mình. Cách dùng từ độc đáo của tác giả khi miêu tả “trời lên sâu chót vót”, thông thường người ta miêu tả trời cao nhưng ở đây tác giả miêu tả “trời sâu” như vẽ ra trước mắt người đọc một không gian vô thủy, vô trung, vô cùng, vô tận cảnh vật vì thế mà cũng hiu hắt, con người vì thế mà cũng trở nên bé nhỏ, chóng ngóng trước không gian vô tận ấy.

Phân tích bài thơ Tràng Giang

Nếu như khổ thơ thứ hai là tả cảnh kết hợp với tự tình thì sang đến khổ thơ thừa ba tác giả bày tỏ niềm khao khát được giao hòa với cuộc sống:

*“Bèo giạt về đâu hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gọi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.”*

Hình ảnh “bèo giạt” là cây lục bình đang trôi theo dòng nước nhưng cũng ngầm thể hiện hoàn cảnh của thực tại, là nghệ thuật ẩn dụ cho những kiếp người lênh đênh, lang thang, vô định mặc cho số phận đưa đẩy. Hình ảnh “chuyến đò ngang, “cầu” là những hình ảnh báo hiệu có sự sống, có con người tồn tại nhưng ở đây tác giả nói là “không” tức là không hề có dấu hiệu của sự sống nhưng vẫn “gọi chút niềm thân mật” chứng tỏ tác giả đang ở trong hoàn cảnh cùng tận nhất, khao khát sự sống để được hòa nhập và đó nhưng lại “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”.

Khổ thơ cuối cùng là nỗi nhớ nhưng về quê hương của tác giả qua việc vẽ nên bức tranh tự nhiên mỹ lệ và vô cùng hùng vĩ:

*“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều xa.
Lòng quê dờn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.”*

Tác giả sử dụng hình ảnh thơ đậm chất cổ điển để thể hiện nỗi nhớ quê nhà: non cao, núi bạc, chim chiều đều là những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca. Nghệ thuật đảo ngữ cho từ “lớp lớp” đứng đầu câu, hình ảnh “chim nghiêng cánh” trong “bóng chiều” kết hợp với từ láy “dờn dợn” thể hiện tác giả đang cũng quấy trong nỗi nhớ quê hương. Hình ảnh cuối cùng là “khói hoàng hôn” gợi đến quê hương xa xăm nhưng đối với tác giả nỗi nhớ ấy mạnh liệt đến nỗi không cần đến khói của hoàng hôn để gợi mở, nỗi nhớ ấy cũng xuất phát từ lòng yêu quê hương, đất nước.

Tài liệu tham khảo: <https://vietvanhoctro.com>
Qua bài thơ Tràng Giang thi sĩ Huy Cận diễn tả nỗi cô đơn buồn nhớ của mình trước không gian và thời gian, là nỗi lòng chung của tầng lớp thi sĩ lúc bấy giờ tuy yêu nước nhưng

lại cô đơn bất lực trước thời gian mau trôi và thực tại éo le của thời đại. Cùng với hình ảnh thơ độc đáo, tứ thơ mới mẻ có sự kết hợp phối thanh và hòa âm, giọng thơ trầm buồn vừa mang phong vị cổ điển vừa mang phong cách hiện đại Huy Cận đã vẽ nên nỗi buồn của bản thân qua đó cũng thể hiện lòng yêu quê hương, đất nước.

Hằng